TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2026/HS-ST
Ngày 08-4-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - SƠN LA

- Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tòng Văn Hưởng

Ông Lò Văn Thôn

- Thư ký phiên toà: Bà Cầm Thị Phương Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Sơn La tham gia phiên toà: Ông Sộng Nỏ Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 - Sơn La xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 97/2026/TLST-HS ngày 25/02/2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2026/QĐXXST-HS ngày 26/3/2026 đối với:

- ***Bị cáo***: **Lò Văn D**; tên gọi khác: không, sinh năm 1982 tại xã M, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Bản Í, xã M, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái, đoàn thể: Không; con ông Lò Văn K (Đã chết) và bà: Quàng Thị L, sinh năm 1959; có vợ là Lò Thị K1, sinh năm 1982 và 02 người con, con lớn nhất sinh năm 2003, con nhỏ nhất sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: không có; bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/11/2025 cho đến nay, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 12 giờ 45 phút ngày 29/11/2025 tại bản Trung Chính, xã M, tỉnh Sơn La, Tổ công tác Phòng nghiệp vụ Bộ đội Biên phòng tỉnh S phối hợp với cán bộ Đồn Biên phòng M và Công an xã M, tỉnh Sơn La làm nhiệm vụ, phát hiện và bắt quả tang Lò Văn D có hành vi cất giấu trái phép chất ma túy. Vật chứng thu giữ là một mảnh giấy màu trắng gói một mảnh nilon màu xanh chứa 03 viên nén màu hồng (D khai nhận là Hồng phiến).

Ngày 30/11/2025 tại tổ địa bàn Sông Mã thuộc Công an tỉnh S, Hội đồng bóc mở niêm phong đã tiến hành cân tịnh, xác định khối lượng và trích mẫu giám định, kết quả: 03 viên nén màu hồng có khối lượng là 0,295 gam đã sử dụng toàn bộ để làm mẫu gửi giám định ký hiệu M.

Tại bản kết luận giám định số 1436/KL ngày 01/12/2025 của Phòng K2 Công an tỉnh S, kết luận: *Mẫu ký hiệu M gửi giám định là ma tuý; loại Methamphetamine, khối lượng của mẫu gửi giám định là 0,295 gam. Tổng khối lượng ma tuý thu giữ là 0,295 gam loại Methamphetamine*.

Quá trình điều tra Lò Văn D khai nhận: Ngày 22/11/2025 D đem theo số tiền 200.000 đồng (là tiền do D lao động tiết kiệm mà có) đi bộ lên nương thuộc bản Ít Om, xã M, tỉnh Sơn La thì có gặp một người đàn ông (không rõ tên, tuổi, địa chỉ cụ thể), qua nói chuyện D hỏi mua được 05 viên Hồng phiến gói bằng mảnh nilon màu xanh, được bọc một lớp giấy màu trắng bên ngoài với số tiền 200.000 đồng. Ngày 23/11/2025 D lấy ra 02 viên Hồng phiến dùng bật lửa và giấy bạc của bản thân để sử dụng tại nhà vệ sinh của gia đình bằng hình thức đốt, hít qua đường hô hấp vào cơ thể. Số ma túy còn lại Dương gói lại và cất vào trong túi quần bên trái đang mặc. Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 29/11/2025 D đem theo gói ma túy trong túi quần rồi đi cùng xe với anh Lềm Văn Đ, trú tại bản Muôn, xã M đến nhà ông Cà Văn D1 ở bản N, xã M để dự đám cưới. Sau khi ăn cưới xong do anh Đ đã về trước nên D đi bộ một đoạn rồi xin đi nhờ xe với anh Bạc Cầm Q và anh B Cầm Căm đều trú tại bản Muôn, xã M về nhà. Khi cả ba người về đến đoạn đường cách điểm trường tiểu học B1, xã M khoảng 100m thì D xuống để đi vệ sinh, lúc này D đã lấy gói ma túy ra để chuẩn bị sử dụng thì bị tổ công tác phát hiện bắt quả tang và thu giữ vật chứng.

Tại bản cáo trạng số: 89/CT-VKS ngày 24/02/2026, của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Sơn La đã truy tố bị cáo Lò Văn D về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, bị cáo Lò Văn D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình thừa nhận bản cáo trạng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Sơn La trình bày lời luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Lò Văn D phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lò Văn D từ 03 năm 03 tháng đến 03 năm 07 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền với bị cáo.

Về vật chứng vụ án: Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong dán kín, chứa chứa 01 mảnh nilon màu xanh và 01 mảnh giấy màu trắng

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Bị cáo tự bào chữa: Nhất trí với phần luận tội của kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về hành vi, quyết định của cơ quan, người tiến hành tố tụng:* Cơ quan điều tra Công an tỉnh S, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 –Sơn La, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Người tham gia tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về tình tiết định tội, định khung hình phạt:*

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, vẫn giữ nguyên lời khai như đã khai tại Cơ quan cảnh sát điều tra, không thay đổi, bổ sung nội dung gì, hoàn toàn nhất trí với nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Sơn La. Bị cáo khẳng định khai báo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện và đúng với sự việc đã thực hiện.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với: Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập ngày 29/11/2025; Kết luận giám định của Phòng K2 Công an tỉnh S; Các biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung đối với bị cáo về thời gian, địa điểm, diễn biến việc thực hiện hành vi phạm tội; Biên bản ghi lời khai của người chứng kiến và phù hợp với các chứng cứ khác trong hồ sơ.

Từ những căn cứ nêu trên có đủ cơ sở kết luận: Ngày 29/11/2025 tại bản Trung Chính, xã M, tỉnh Sơn La, bị cáo Lò Văn D cất giấu trái phép 0,295 gam Methamphetamine nhằm mục đích sử dụng cho bản thân. Hành vi của Lò Văn D đã phạm vào tội Tàng trữ trái phép chất ma túy quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Truy tố của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Sơn La là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] *Xét về tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo:*

Bị cáo là người có năng lực chịu trách nhiệm về hình sự, biết rõ chất ma túy là chất Nhà nước cấm mua bán, sử dụng, nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm vào chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, gây mất trật tự trị an xã hội, tiếp tay cho các đối tượng hám lời có cơ hội lưu thông buôn bán ma túy.

[4] *Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội, bị cáo thành khẩn khai báo, tại phiên tòa tỏ ra ăn năn hối cải về việc đã làm, nên cần áp dụng

điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự phần nào đối với bị cáo.

Từ sự phân tích trên, căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng Điều 38 Bộ luật Hình sự để xử hình phạt tù có thời hạn, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong thời hạn từ 03 năm đến 05 năm để cải tạo, giáo dục bị cáo, đồng thời nhằm mục đích răn đe và phòng ngừa chung.

[5] *Về hình phạt bổ sung*: Bị cáo là đối tượng nghiệm ma túy, không có tài sản riêng, không có khả năng thi hành nên không áp dụng.

[6] *Vật chứng vụ án:*

Đối với: 01 phong bì thư do Bưu điện V phát hành bên trong có 01 phong bì niêm phong dán kín, chứa 01 mảnh nilon màu xanh và 01 mảnh giấy màu trắng là vật chứng không có giá trị, không còn sử dụng được, cần tịch thu tiêu hủy. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[7] *Các vấn đề khác*

Về nguồn gốc ma túy: Bị cáo khai mua ma túy từ một người đàn ông không rõ danh tính tại bản Ít Om, xã M, tỉnh Sơn La. Ngoài lời khai của bị cáo ra không còn tài liệu chứng cứ nào khác chứng minh nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh S không có căn cứ mở rộng điều tra, buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với tổng khối lượng ma tuý đã thu giữ trong vụ án.

Về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy vào ngày 23/11/2025: Tại phiếu cung cấp thông tin của UBND xã M, tỉnh Sơn La đã xác định Lò Văn D không thuộc các trường hợp chủ thể quy định tại Điều 256a Bộ luật Hình sự. Do đó cơ quan điều tra không khởi tố bị cáo về tội Sử dụng trái phép chất ma tuý, là đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Đối với Lềm Văn Đ, Bạc Cầm Q và Bạc Cầm C: Những người này đã cho Lò Văn D đi nhờ xe nhưng không biết việc D cất giấu trái phép chất ma túy trong người nên Cơ quan điều tra xác định không đồng phạm với Lò Văn D là đúng quy định của pháp luật.

[8] *Về án phí:* Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Lò Văn D phạm tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Xử phạt bị cáo Lò Văn D 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 29/11/2025.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền với bị cáo.

2. Về vật chứng vụ án:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì thư do Bưu điện V phát hành bên trong có 01 mảnh nilon màu xanh và 01 mảnh giấy màu trắng.

(Mô tả chi tiết theo Quyết định chuyển vật chứng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Sơn La; biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan điều tra công an tỉnh S và Phòng thi hành án dân sự khu vực 03 - Sơn La).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 08 tháng 4 năm 2026).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND cùng cấp (02 bản);
- Cơ quan thi hành án Hình sự Công an tỉnh Sơn La;
- Công an tỉnh Sơn La;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - Sơn La;
- Người tham gia tố tụng;
- Trại tạm giam công an tỉnh Sơn La;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Mai